CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: **CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM**
NHÀ MÁY VĨNH PHÚC

Địa chỉ: **Lô P, KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.**

Điện thoại: **(0274) 3756 362**

Bình Dương, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 3
1. Giới thiệu chung về công ty 3
2. Tính cần thiết phải lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường 3
3. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường 3
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY 4
1.1. Quy mô đầu tư, sản xuất, kinh doanh: công suất, diện tích xây dựng, địa điểm xây dựng công trình 4
1.1.1. Công suất sản xuất 4
1.1.2. Các hướng tiếp giáp 4
1.2. Các hồ sơ pháp lý về môi trường 4
1.3. Công nghệ sản xuất 4
CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 7
2.1. Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải 7
2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải 9
2.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải 10
2.3. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn 10
2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 10
2.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường 11
2.3.3. Chất thải nguy hại 11
CHƯƠNG 3: XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUY CƠ VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ KHI XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 12
3.1. Xác định nguy cơ và nguyên nhân xảy ra 12
3.2. Dự báo phạm vi tác động của sự cố 15
3.3. Mức độ nghiêm trọng của sự cố 15
CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG NGỪA,ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 18
4.1. Công trình, thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường 18
4.2. Lập ban sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố môi trường 18

4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị ứng phó sự cố 19
4.4. Xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố môi trường cho lực lượng ứng phó sự cố tại chỗ 22
4.5. Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường và huy động nguồn nhân lực, trang thiết bị để ứng phó sự cố môi trường..... 22
4.6. Biện pháp tổ chức, ứng phó sự cố môi trường khi sự cố xảy ra 23
4.7. Phương án khắc phục hậu quả sự cố môi trường 23

MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu chung về công ty

Công ty TNHH Ắc Quy GS Việt Nam được đầu tư 100% vốn nước ngoài (Nhật Bản), tọa lạc tại lô P, KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số doanh nghiệp số 3700255457 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/08/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1062283882 chứng nhận lần đầu ngày 30/06/2008 chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 06/03/2020.
- Điện thoại liên hệ: 0274 3756 360 Fax: 0274 3756362
- Địa chỉ website: http://www.gsbattery.vn

2. Tính cần thiết phải lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Ngày nay, vấn đề bảo vệ môi trường luôn là đề tài được thế giới quan tâm. Trong quá trình hoạt động sản xuất, luôn tìm ẩn những rủi ro làm ảnh hưởng đến môi trường như cháy nổ, tràn đổ hóa chất, hoặc các sự cố môi trường tại các hệ thống xử lý chất thải,…làm phát tán chất thải chưa xử lý vào môi trường, gây ô nhiễm môi trường. Do đó, việc xây dựng kế hoạch để ứng phó sự cố môi trường là việc làm cấp bách và rất cần thiết của các doanh nghiệp.

Hiểu được vấn đề này, Công ty chúng tôi tiến hành xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường. Đối với các sự cố liên quan đến cháy nổ, chúng tôi đã xây dựng phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định tại nghị định 136/2020/NĐ-CP được Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt. Đối với các sự cố liên quan đến vận chuyển, bảo quản, sử dụng hóa chất chúng tôi đã lập kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại nghị định 113/2017/NĐ-CP và được Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận.

Do đó, trong kế hoạch này, chúng tôi chỉ tập trung các vấn đề, sự cố liên quan đến việc vận hành và kiểm soát các hệ thống xử lý môi trường tại Công ty như hệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Luật môi trường được Quốc Hội thông qua số 72/2020/QH14, ngày 17 tháng 11 năm 2020 chương X

Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10 tháng 01 năm 2022 nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1.1. Quy mô đầu tư, sản xuất, kinh doanh: công suất, diện tích xây dựng, địa điểm xây dựng công trình

1.1.1. Công suất sản xuất

- Công suất sản xuất theo phê duyệt ĐTM: 171.360 Kwh/năm.
- Tổng số công nhân viên làm việc tại cơ sở: 29 người

1.1.2. Các hướng tiếp giáp

- Phía đông: giáp đường nội bộ của KCN, bên kia đường là Công ty Cổ Phần Prime Ngói Việt.
- Phía bắc và tây: giáp Công ty TNHH Gold Success Ấn Độ
- Phía nam: giáp Công ty Cổ Phần Phú Quang.

1.2. Các hồ sơ pháp lý về môi trường

STT	Quyết định/ Văn bản	Ngày phê duyệt	Đơn vị phê duyệt
1	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 492/QĐ-UBND	14/02/2017	Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Vĩnh Phúc
2	Quyết định phê duyệt điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2016/QĐ-UBND	31/08/2018	Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Vĩnh Phúc
3	Giấy xác nhận hoàn thành số 222/GXN-STNMT	22/01/2019	Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc
4	Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 26.000422.T (cấp lần 01)	15/06/2018	Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc

1.3. Công nghệ sản xuất

❖ Quy trình sạc bình ắc quy xe máy

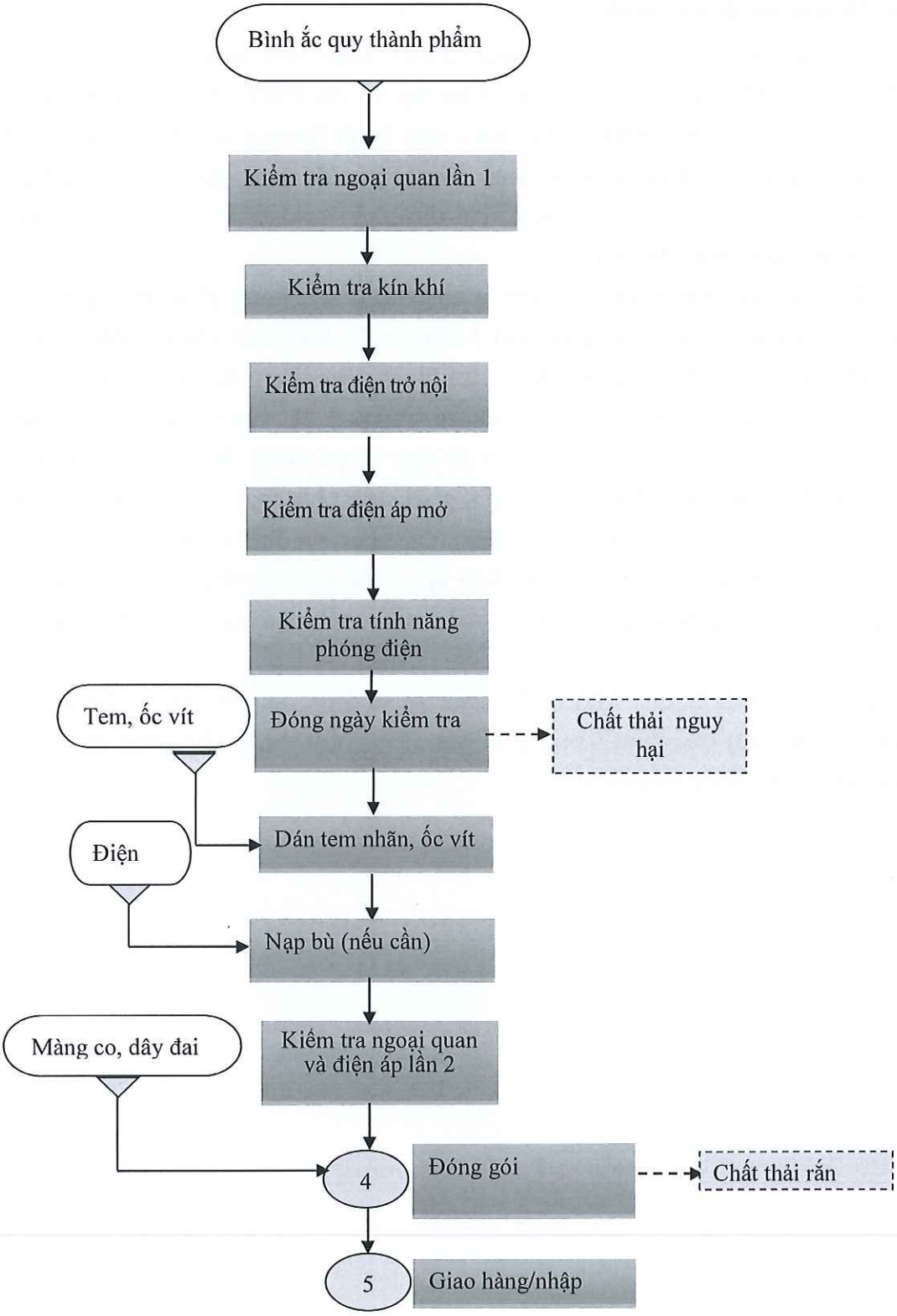

Hình 1: Quy trình sạc bình ắc quy xe máy

❖ Thuyết minh quy trình

Bình ắc quy đã được lắp ráp, nạp và cân chỉnh mức điện dịch tại Nhà máy thứ 2- Công ty TNHH Ắc Quy GS Việt Nam tại số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam- Singapore – thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương sẽ được chuyển đến Nhà máy thứ 3- tại KCN Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc để được thực hiện các bước tiếp theo trước khi giao cho khách hàng. Tại đây diễn ra các công đoạn như quy trình trên và được diễn giải như sau:

Bình ắc quy trước khi chuyển giao cho khách hàng phải trải qua các bước kiểm tra như Kiểm tra ngoại quan lần 1 bằng mắt, kiểm tra kín khí bằng máy kiểm tra kín khí, Kiểm tra điện trở nội, kiểm tra phóng cao dòng để đảm bảo tất cả các giá trị nằm trong giới hạn cho phép. Sau khi hoàn thành các bước kiểm tra ắc quy đó sẽ được đóng ngày kiểm tra tại đây bình ắc quy được đóng dấu hiệu nhận biết ngày tháng kiểm tra, trong quá trình thực hiện phát sinh chất thải chất nguy hại từ việc sử dụng mực in. Công đoạn tiếp theo là Dán tem nhãn và đính kèm ốc vít, sau đó được kiểm tra ngoại quan lần 2 và đo lại điện áp, đóng gói và nhập kho. Tại công đoạn đóng gói có sử dụng màng co để quấn pallet hàng nên phát sinh chất thải rắn tại công đoạn này.

Đối với bình ắc quy không đủ điện áp sẽ được nạp bù và đo lại điện áp sau khi nạp bù để đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép trước khi đóng ngày kiểm tra và thực hiện các bước tiếp theo.

CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

❖ Xử lý nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Nước thải từ nhà ăn (Công ty thuê đơn vị cung cấp thức ăn công nghiệp, không nấu ăn tại công ty, nên chủ yếu là nước rửa tay chân), nước rửa tay chân khu vực xưởng, nước từ nhà vệ sinh
- Lượng phát sinh: 1,5 m3/ngày
- Biện pháp xử lý:

Nước thải sinh hoạt phát sinh nhà vệ sinh của CBCNV được thu gom về các bể xử lý sơ bộ (bể tự hoại 3 ngăn), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 5m3/ngày.đêm trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

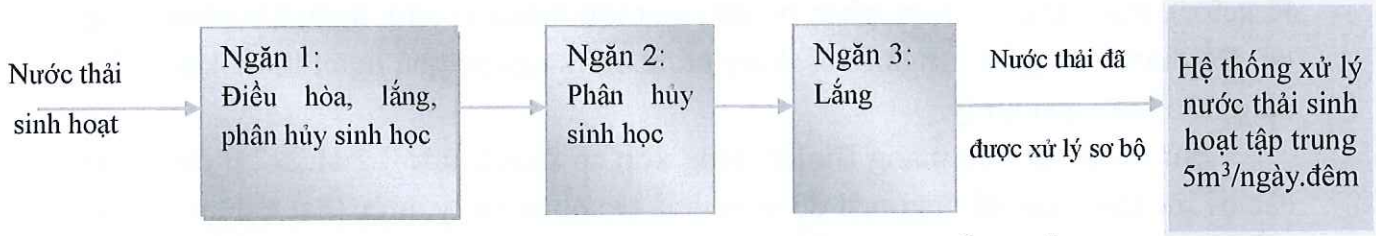

Hình 2: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà máy bằng bể tự hoại 3 ngăn

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Nhà máy, sau khi xử lý sơ bộ, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Hệ thống này có công suất xử lý 5 m3/ngày.đêm, đảm bảo xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Bình Xuyên. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có quy trình xử lý theo sơ đồ dưới đây:

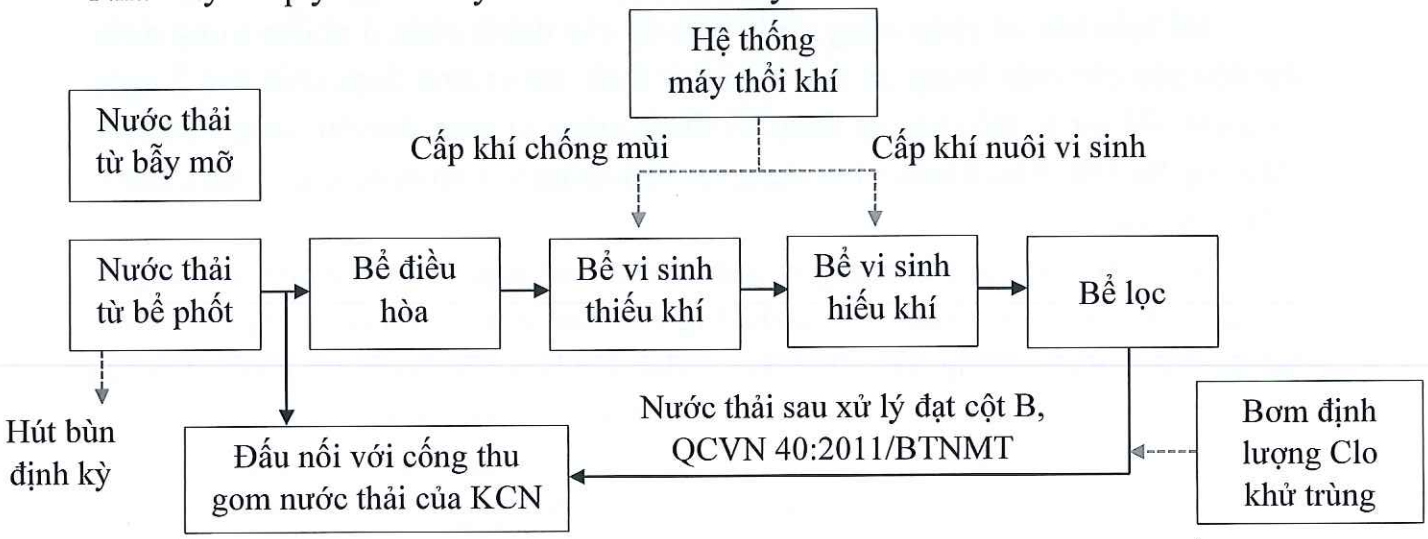

Hình 3: Quy trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà máy số 3

❖ Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Bể điều hòa

Nước từ các nguồn thải (bể phốt, thoát sàn, nhà bếp,...) được thu gom toàn bộ về bể điều hòa trước khi dẫn qua các bể tiếp theo (thiếu khí, hiếu khí, lọc). Bể điều hòa được thiết kế với mục đích điều hòa lưu lượng và điều hòa mức độ ô nhiễm của các dòng thải trước khi đưa vào các bể xử lý tiếp phía sau.

- Bể thiếu khí

Bể thiếu khí được thiết kế gồm 1 ngăn xử lý, với mục đích xử lý khoảng 70 - 80% hàm lượng chất hữu cơ (còn lại sau bể yếm khí hay bể phốt) kết hợp với khử nitrat.

Bể thiếu khí được thiết kế theo dạng lọc sinh học tầng tĩnh (Fixed Bed Biofilm Reactor), nước thải sẽ được phân bố đều qua lớp màng vi sinh thiếu khí phía trong bể. Bể được bao gồm 1 ngăn với dòng nước chảy ngược qua ngăn thiếu khí nhằm nâng cao hiệu quả xử lý.

Sử dụng vật liệu mang Biolen dạng xốp có kích thước 1,2x1,2x2,0 cm trong các bể lọc thiếu khí để tăng mật độ vi sinh là tác nhân xử lý nước thải tồn tại ở dạng màng vi sinh bám dính trên vật liệu. Ngoài ra, việc sử dụng vật liệu mang dạng xốp có tác dụng duy trì và tăng hiệu quả xử lý của vi sinh vật (xử lý được các chất khó sinh hủy, chất hoạt động bề mặt,..) tăng cường khả năng chống chịu các điều kiện bất lợi (kim loại nặng, chất kháng sinh, đột biến hàm lượng và lưu lượng nước thải,...), do đó tăng hiệu quả và tính ổn định của bể xử lý.

$$NO_3^- + \text{Chất hữu cơ (BOD – CxHyOz)} \rightarrow CO_2\uparrow + H_2O + N_2\uparrow + OH^-$$

- Bể hiếu khí

Bể hiếu khí có chức năng xử lý triệt để các thành phần ô nhiễm trong nước đạt đến yêu cầu chất lượng xả thải theo quy định. Bể vi sinh được chia làm 2 ngăn hiếu khí. Bể xử lý hiếu khí áp dụng kỹ thuật màng vi sinh chuyển động – MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor) sử dụng vật liệu mang vi sinh dạng xốp có kích thước 1.2x1.2x2 cm.

Việc bổ sung vật liệu mang vi sinh sẽ làm tăng mật độ vi sinh có mặt trong bể để xử lý chất ô nhiễm. Mật độ vi sinh tăng cao dẫn tới nhu cầu cần cung cấp "thức ăn" là chất ô nhiễm trong nước thải cho vi sinh lớn hơn, tức là cần tăng hiệu quả quá trình chuyển khối, tăng sự tiếp xúc giữa vi sinh vật và chất ô nhiễm. Do vậy cần duy trì sự chuyển động hỗn loạn của các vật liệu mang chứa vi sinh với mật độ cao là điều kiện cần thiết của kỹ thuật màng vi sinh chuyển động. Do đặc tính của vật liệu

mang có bề mặt riêng lớn, tích lũy được sinh khối lớn và có khối lượng riêng tương đương với nước nên dễ dàng chuyển động trong bể nhờ khí cấp.

Quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ dạng BOD:

$$O_2 + \text{Chất hữu cơ (BOD – CxHyOz)} \xrightarrow{\text{Vi sinh hiếu}} CO_2\uparrow + H_2O + \text{sinh khối}$$

Quá trình oxy hóa các hợp chất Nito:

$$O_2 + NH_4 \xrightarrow{\text{Vi sinh hiếu}} NO_2 + H_2O + \text{sinh khối}$$

$$O_2 + NO_2 \xrightarrow{\text{Vi sinh hiếu}} NO_3 + H_2O + \text{sinh khối}$$

Số lượng máy khí sử dụng 02 máy chạy luôn phiên trong đó luôn có 1 máy chạy liên tục đảm bảo công suất tối thiểu 0,12 m3/phút.

- Bể lọc

Bể lọc làm nhiệm vụ lắng bỏ sinh khối trong nước sau xử lý, bể được thiết kế theo kiểu bể lọc nổi giữ cặn vi sinh lại tại đáy bể.

- Khử trùng

Nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý chung của KCN được khử trùng bằng Clo. Lượng Clo được châm vào theo định lượng đã cài đặt.

Bùn sinh khối dư được thải bỏ về bể phốt của nhà máy.

- Xử lý bùn thải từ bể phốt

Sử dụng bể phốt để chứa và xử lý bùn thải từ bể lọc thải về. Thời gian hút bã thải định kỳ của bể ủ là 6 tháng đến 1 năm (sau khi đã giảm thiểu khối tích) tùy thuộc vào hàm lượng dầu mỡ, cặn trong nguồn thải, lượng phân nhiều hay ít. Công ty sẽ thuê đơn vị chức năng để hút bùn thải định kỳ.

2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 2.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước thải tại cửa xả cuối, trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN	NT	3 tháng/lần	0569125	2352618	Tại cửa xả cuối, trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN

- Thông số quan trắc:

Bảng 2.2. Danh mục thông số quan trắc

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	pH	5,5 - 9
2	Lưu lượng	Không quy định
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	100 mg/l
4	BOD	50 mg/l
5	COD	150 mg/l
6	NH_4^+	10 mg/l
7	Tổng Colifom	5000 MPN/100ml
8	Cl^-	1000 mg/l
9	Chì (Pb)	0,5 mg/l
10	Tổng P	6 mg/l
11	Tổng N	40 mg/l

2.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

Hiện tại, với dây chuyền sạc bình ắc quy xe máy, không phát sinh bụi và khí thải. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng môi trường không khí trong khu vực sản xuất và các khu vực khác trong Nhà máy (văn phòng, phòng máy, nhà bếp, nhà vệ sinh…), Công ty đã lắp đặt các quạt hút và quạt thông gió tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, bảo vệ… Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng môi trường không khí trong Nhà máy, Công ty còn áp dụng một số biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì thiết bị, đảm bảo thiết bị vận hành tốt nhằm hạn chế khí thải phát sinh

- Máy phát điện lắp đặt ở ngoài nhà xưởng, khu vực thông thoáng, lập lưới chắn bao quanh nhằm hạn chế khí thải, tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến công nhân, được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

- Bố trí nhà xưởng thông thoáng.

- Trồng vành đai cây xanh xung quanh Công ty để tránh bụi (chiếm 20% tổng diện tích của Nhà máy).

2.3. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Trong quá trình hoạt động sản xuất phát sinh chất thải rắn sinh hoạt của CBCNV làm việc tại Nhà máy bao gồm: thức ăn thừa, bao bì, túi nilon, vỏ hộp, các chất hữu cơ dễ phân hủy,...

Công tác phân loại thu gom: CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Nhà máy được phân loại tại nguồn:

- Nhóm hữu cơ dễ phân hủy: thức ăn thừa, vỏ trái cây,…;
- Nhóm tái chế dạng giấy: Giấy in văn phòng, hộp sữa giấy, bìa carton vụn,…;
- Nhóm tái chế dạng nhựa: chai nước bằng nhựa, ly nhựa,…;
- Nhóm tái chế kim loại: Lon nước bằng kim loại,…;
- Nhóm khác: bao bì nilon, hộp xốp,…

2.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trong quá trình sản xuất phát sinh CTR CNTT các loại không nguy hại như: carton; carton vụn; giấy vụn; sắt thép phế liệu; màng co, nhựa bình không dính hóa chất; dây đai nhựa; vỏ chai nhựa và các sản phẩm thải nhựa khác; pallet gỗ, tổng số lượng phát sinh khoảng 12 tấn/năm.

- Công tác phân loại và thu gom:

Rác thải phát sinh được phân loại và thu gom tại nguồn. Sau đó được tập kết tại khu chứa chất thải rắn tạm thời có tường bao, mái che mưa để giữ vệ sinh môi trường. Định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2.3.3. Chất thải nguy hại

Căn cứ trên hiện trạng và định hướng hoạt động của Nhà máy, tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải nguy hại, Công ty đã lập hồ sơ đăng kí chủ nguồn thải CTNH và được Sở TNMT cấp sổ đăng kí chủ nguồn thải chất thải nguy hại với mã số QLCTNH: 26.000422.T ngày 15/6/2018. Công ty đã kí hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Hiện nay, Công ty cũng được xây dựng kho lưu trữ CTR và CTNH theo đúng quy định có diện 13mx4,6m=59,8 m^2.

Hiện tại, chất thải nguy hại của nhà máy phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính hóa chất, với số lượng phát sinh rất ít, trung bình khoảng gần 2 kg/tháng.

CHƯƠNG 3: XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUY CƠ VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ KHI XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Xác định nguy cơ và nguyên nhân xảy ra

Nước thải sẽ được xử lý bằng các hệ thống bảo vệ môi trường đã xây dựng và đã được cấp giấy phép môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành sử dụng những vấn đề hư hỏng hoặc sự số xảy ra là điều không thể tránh khỏi.

Các chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom và lưu trữ tạm thời, trong quá trình thu gom, vận chuyển sẽ có nguy cơ tràn đổ, rò rỉ ra môi trường, làm ảnh hưởng môi trường.

Các nguy cơ, sự cố được nhận dạng như bảng thống kê dưới đây

Bảng 3.1. Xác định sự cố, nguyên nhân và biện pháp xử lý

Hệ thống	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Hệ thống xử lý nước thải	**I.Bể xử lý sinh học**		
	Hiện tượng bùn nổi nhiều trên mặt nước trong quá trình lắng	Sự trương nở bùn thường do vi sinh vật dạng sợi hoạt động như những thanh nối ngăn chặn sự tạo khối của những hạt bùn và tạo ra khả năng lắng kém	Tăng thời gian tuần hoàn bùn về bể xử lý sinh học, giảm thời gian lắng
		Nồng độ DO thấp	Kiểm tra DO có được duy trì DO>2mg/l, nếu không tăng cấp khí
		pH quá cao hay quá thấp	Kiểm tra, sử dụng hóa chất điều chỉnh
		Mất cân bằng tỷ lệ BOD:N:P	Bổ sung chất dinh dưỡng hoặc thay đổi các thông số vận hành
	Hiện tượng bùn thối: thường là đen hoặc vàng tối nổi lên trên bể trong quá trình lắng	Lượng bùn dư không được bơm hết	Kiểm tra và bơm bùn dư thường xuyên
		Do lưu lượng nước thải quá thấp, vi sinh không có thức ăn nên chết gây bùn nổi đen, thối trong bể lắng	Tăng tải để duy trì sự phát triển của vi sinh, bùn thối trong bể lắng có thể vớt sang bể bùn.
	Sự tạo bọt bể xử lý sinh học	Nồng độ MLSS thấp	Duy trì nồng độ MLSS trong bể cao hơn bằng cách tăng lưu lượng bùn hồi lưu
		Sục khí quá nhiều	Giảm cung cấp khí trong thời gian lưu lượng đầu vào thấp nhưng vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l

Hệ thống	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Hệ thống xử lý nước thải	Nồng độ NH_3 cao ở đầu ra	Thời gian lưu giữ bùn quá thấp	Tăng hàm lượng bùn trong bể xử lý sinh học
		Quá trình nitrat hóa chưa đạt yêu cầu	Điều chỉnh và tăng thời gian nitrat hóa bằng cách duy trì DO ở mức nhỏ tương đương với dạng khuấy trộn cơ học và tăng lượng tuần hoàn bùn về bể thiếu khí
		Tỷ lệ chất hữu cơ/Nito quá thấp	Bổ sung cacbon từ bên ngoài
	Nồng độ BOD ở đầu ra cao	DO sục khí chưa đủ	Tăng thời gian sục khí
		Lượng bùn hoạt tính thấp	Bổ sung thêm bùn hoạt tính
		Bùn lắng kém	Giảm cấp tải xuống để vi sinh có thời gian sinh trưởng và phát triển tạo sinh khối to và dễ lắng hơn, khi bùn hoạt động tốt sẽ tăng tải dần Có thể bổ sung thêm hóa chất trợ lắng
		Do tải trọng bùn thấp, xảy ra hiện tượng bùn tụ thành đám nhỏ, nổi lên rồi trôi theo nước trong quá trình tách nước khỏi bể xử lý sinh học	Bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng cường tuần hoàn bùn trở lại để tránh thất thoát bùn hoạt tính
	II. Máy thổi khí		
	Rò rỉ dầu máy	Quá nhiều dầu máy	Điều chỉnh lượng dầu đến phần giữa mắt dầu khi thay dầu máy định kỳ
		Sự lỏng lẻo các khới mối nối	Siết chặt các chi tiết nối
		Phớt nhớt bị hư	Thay phớt mới
	Không đủ thể tích khí yêu cầu	Rò rỉ đường ống dẫn khí	Loại bỏ các nguồn gây rò rỉ
		Gia tăng áp lực hút	Kiểm tra các van đóng mở để mở van to hơn nếu bị siết lại Luôn để nhà che máy thổi khí thoáng khí Thay máy công suất lớn hơn nếu sau kiểm tra vẫn không đủ khí cung cấp.
		Dây cu – roa bị giãn	Căng dây lại hoặc thay dây mới

Hệ thống	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Hệ thống xử lý nước thải	Gia tăng áp lực đẩy	Van đóng	Mở hết van
		Tắc nghẽn ống phân phối khí	Làm sạch ống phân phối khí
		Gia tăng mật độ bùn hay cặn lắng	Loại bỏ bùn, cặn lắng
	III. Bơm định lượng		
	Mô tơ không hoạt động khi không có tải	Không có nguồn điện cung cấp	Kiểm tra nguồn điện và cáp nguồn
		Cầu chì nhảy	Thay thế cầu chì
		Cuộn dây sato bị mất	Đem bảo hành/sửa chữa
	Mô tơ chạy không tải nhưng trục ra không quay	Bị hỏng do bánh răng bị quá tải	Đem sửa chữa bảo hành
	Nhiệt độ tăng quá mức	Quá tải	Giảm tải đến giá trị phù hợp
		Sụt áp hoặc tăng áp	Kiểm tra nguồn cung cấp
		Nhiệt độ môi trường cao	Bố trí thông thoáng cho khu vực đặt mô tơ
		Mòn bánh răng do quá tải	Thay bánh răng
	Mô tơ kêu bất thường	Mắc các vật lạ	Loại bỏ các vật lạ
		Bạc đạn hỏng	Thay mới
	Rơ le nhiệt không hoạt động	Quá tải	Giảm tải đến giá trị thích hợp
	IV. Bể lắng		
	Bùn quá đặc gây nên hiện tượng tắc ống nhanh chóng	Lượng bùn tích tụ trong bể lắng sơ cấp quá nhiều do thời gian lưu vượt quá mức cho phép	Tăng chu trình tháo bùn ra
		Lượng cặn chứa trong bùn vượt mức cho phép	Kiểm tra thành phần cặn để đánh giá chất lượng bùn
	Bùn nổi lên bề mặt	Tuyến ống tháo bùn ra bị tắc	Sử dụng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc đường ống
		Van xả bùn không mở hoàn toàn	Kiểm tra và điều chỉnh lại trạng thái
Thu gom, lưu trữ chất thải	Ngã đổ trong quá trình vận chuyển	Gãy pallet làm ngã đổ. Đóng gói, xếp chất thải quá tải khi vận chuyển	Nhanh chóng thu gom chất thải, tránh trường hợp quá trình thu gom làm phát tán chất thải ra môi trường đất, hoặc chảy vào cống thoát nước mưa

Hệ thống	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân chính	Cách khắc phục
Thu gom, lưu trữ chất thải	Rò rỉ nước từ chất thải trong quá trình lưu trữ	Thùng chứa bị hư Lưu trữ chất thải ngoài trời	Nhanh chóng thu gom chất thải, tránh trường hợp quá trình thu gom làm phát tán chất thải ra môi trường đất, hoặc chảy vào cống thoát nước mưa

3.2. Dự báo phạm vi tác động của sự cố

Mỗi nguồn gây ra sự cố, mỗi vị trí xảy ra sự cố khác nhau thì phạm vi tác động của nó sẽ khác nhau. Dựa vào khu vực và đặc tính của nhà máy thì phạm vi tác động của sự cố được dự báo như sau:

Bảng 3.2. Bảng thang điểm phạm vi tác động

Stt	Phạm vi tác động	Đánh giá	Thang điểm
1	Khả năng tác động trong phạm vi bộ phận	Nhỏ	1
2	Khả năng tác động trong phạm vi KCN (nguồn tiếp nhận xử lý thứ cấp) Khả năng tác động nhiều bộ phận, nguy cơ dừng hoạt động cả nhà máy	Trung bình	2
3	Khả năng tác động rộng khắp ngoài khu vực KCN	Lớn	3
	Khả năng tác động trực tiếp đến nguồn nước mặt trong khu vực/ ảnh hưởng đến hệ thống vi sinh vật trong phạm vi tỉnh và hơn		

3.3. Mức độ nghiêm trọng của sự cố

Mức độ nghiêm trọng của sự cố phụ thuộc vào "Tần suất xuất hiện", "Phạm vi tác động" và "Khả năng ứng phó". Một sự cố mà phạm vi tác động của nó rộng lớn với khả năng xuất hiện cao và vượt ngoài khả năng ứng phó của cơ sở thì sự cố đó được xem là sự cố nghiêm trọng cần phải có biện pháp ngăn ngừa và lên kế hoạch ứng phó để đảm bảo rủi ro xảy ra là thấp nhất có thể.

Công thức xác định "Mức độ nghiêm trọng" như sau:

Mức độ nghiêm trọng = "Tần suất xuất hiện" x "Phạm vi tác động" x "Khả năng ứng phó"

Bảng 3.3. Tần suất xuất hiện

Stt	Tuần suất xuất hiện	Thang điểm
1	Rất khó xảy ra/ không xảy ra	1
2	Rất ít xảy ra có thể chỉ xảy ra 1 lần/năm Hoặc đã từng xảy ra trong quá khứ	2
3	Xảy ra nhiều hơn 2 lần/năm	3

Bảng 3.4. Khả năng ứng phó

Stt	Khả năng ứng phó	Thang điểm
1	Ứng phó bởi GSV	1
2	Cần sự hỗ trợ của cơ quan địa phương VSIP	2
3	Cần sự hỗ trợ từ cơ quan của tỉnh Bình Dương	3

Xếp loại:
+ Sự cố được xếp vào "sự cố nghiêm trọng" khi: "Mức độ nghiêm trọng" > 6 hoặc khi "Phạm vi tác động" = 3
+ Sự cố được xếp vào "sự cố ít nghiêm trọng" khi: "Mức độ nghiêm trọng" từ 3 - 6 (trừ trường hợp "Phạm vi tác động" = 3)
+ Sự cố được xếp vào "sự cố không nghiêm trọng" khi: " Mức độ nghiêm trọng" < 3

Bảng 3.5. Bảng đánh giá, xếp loại các sự cố

Hệ thống	Sự cố	Phạm vi tác động	Tần suất xuất hiện	Khả năng ứng phó	Mức độ nghiêm trọng	Xếp loại
Hệ thống xử lý nước thải	Hiện tượng bùn nổi nhiều trên mặt nước trong quá trình lắng	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng
	Hiện tượng bùn thối: thường là đen hoặc vàng tối nổi lên trên bể trong quá trình lắng	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng
	Sự tạo bọt bể xử lý sinh học	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng

Hệ thống	Sự cố	Phạm vi tác động	Tần suất xuất hiện	Khả năng ứng phó	Mức độ nghiêm trọng	Xếp loại
Hệ thống xử lý nước thải	Nồng độ NH_3 cao ở đầu ra	2	2	1	4	Ít nghiêm trọng
	Nồng độ BOD ở đầu ra cao	2	2	1	4	Ít nghiêm trọng
	Rò rỉ dầu máy	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Không đủ thể tích khí yêu cầu	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng
	Gia tăng áp lực đẩy	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Mô tơ không hoạt động khi không có tải	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Mô tơ chạy không tải nhưng trục ra không quay	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Nhiệt độ tăng quá mức	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Mô tơ kêu bất thường	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Rơ le nhiệt không hoạt động	1	3	1	3	Không nghiêm trọng
	Bùn quá đặc gây nên hiện tượng tắc ống nhanh chóng	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng
	Bùn nổi lên bề mặt	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng
Thu gom, lưu trữ chất thải	Ngã đổ trong quá trình vận chuyển	3	3	1	9	Nghiêm trọng
	Rò rỉ nước từ chất thải trong quá trình lưu trữ	2	3	1	6	Ít nghiêm trọng

CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.1. Công trình, thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường

STT	HỆ THỐNG	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KỸ THUẬT
01	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	- Có kế hoạch kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, và thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng hằng năm theo kế hoạch. - Có nhật ký theo dõi hoạt động hệ thống xử lý nước thải. - Có các hướng dẫn thao tác thực hiện rõ ràng, cụ thể. - Có các thiết bị dự phòng, và các moto thường chạy luân phiên để tránh quá tải. - Khu vực chứa hóa chất để xử lý nước thải, khu vực được xây dựng kiên cố, nền sơn expoxy và gờ chống tràn, có đầy đủ các trang thiết bị dùng để ứng phó sự cố hóa chất. - Lắp đặt thanh chắn rác và thường xuyên nạo vét đường mương dẫn nước thải, để đảm bảo đường ống không bị tắt nghẽn. - Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc theo quy định.

4.2. Lập ban sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố môi trường

Để kiểm soát các hệ thống xử lý vận hành hiệu quả, phân công rõ ràng trách nhiệm kiểm soát hệ thống xử lý môi trường thuộc trách nhiệm phòng PE (phòng kỹ thuật sản xuất của nhà máy). Đồng thời phân công nhiệm vụ phòng FI (cải tiến nhà máy), kiểm tra chéo kết quả vận hành hệ thống xử lý môi trường và báo cáo hằng ngày theo biểu mẫu quy định.

Thành lập ban ứng phó sự cố môi trường theo sơ đồ tổ chức đính kèm

GS BATTERY VN CO., LTD.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TẠI NHÀ MÁY BÌNH XUYÊN
ORGANIZATION CHART OF ENVIRONMENTAL ACTIVITY AT BINH XUYEN FACTORY

UỶ BAN MÔI TRƯỜNG CÔNG TY
COMPANY ENVIRONMENTAL

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR
Mr. EIICHIRO KATO

Phê duyệt chính sách, định hướng mục tiêu môi trường
Approve policy, objective for environmental activity

1 - Xem xét chính sách, định hướng mục tiêu môi trường
Review policy, objective for environmental activity-
2 - Xem xét và phê duyệt phương án ứng phó sự cố môi trường
Approve plan of environmental incident response
3 - Phê duyệt kịch bản, báo cáo thực tập ứng phó sự cố môi trường hằng năm
Approve the script and report of environmental incident response practice

BAN CỐ VẤN/ CONSULTANT GROUP

Giám đốc điều hành PPC/ADMIN
EGM of PPC/Admin
Ms. Thao

Tổng quản lý PE
G. Manager PE
Mr. Chung

Tổng quản lý HN
G.MANAGER HN
Mr. Thao

Tổng quản lý PD/QC
G MANAGER PD/QC
Mr. Huy

NHIỆM VỤ: RESPONSIBILITY:
* Xem xét, hỗ trợ và tư vấn cho hoạt động môi trường/ Check, support and consult to Factory manager of Environmental activity

Giám đốc điều hành PD, PE & FI
EGM of PD, PE & FI
Mr. Tam

1 - Kiểm tra kế hoạch hoạt động môi trường toàn nhà máy.
Check planning of environmental activity all factory.
2 - Đánh giá hiệu quả của các hành động khắc phục đưa ra yêu cầu cải tiến tiếp theo.
Review coutermeasure, its effective and give requirement for next improvement.

Tổng quản lý PD & FI
G. Manager PD &

NHÓM HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - ENVIRONMENTAL ACTIVITY GROUP

Trưởng nhóm
GROUP LEADER
Mr. Thinh

Hỗ trợ
SUPPORT

Mr. Khanh

TRÁCH NHIỆM - RESPONSIBILITY

1 - Giám sát các hoạt động đã hoạch định, đo kiểm môi trường định kỳ
Control all operations in master plan, monitor environment periodically
2 - Cập nhật tài liệu môi trường và các luật định liên quan
Update environmental documents and related law requirements
3 - Báo cáo đến cấp quản lý và phòng ban liên quan về tuần tra môi trường hằng ngày, hoặc sự cố môi trường (nếu có)
Report to managers daily environment patrol, or environmental incidenr (if any)
4 - Chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường và báo cáo kết quả thực hiện
Control of practice on environment accident and report the pratice result
5 - Chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố tại chỗ các phương án ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường
Guide the members of action team how to deal with environment accident when happen
6 - Báo cáo hành động khắc phục phòng ngừa các sự cố môi trường
Report the corrective and preventive action for environment accident

1 - Kiểm tra kế hoạch hành động và tính hiệu quả hành động khắc phục và đưa ra ý tưởng cải tiến.
Check coutermeasure plan and its effective and give improvement idea
2 - Nhắc nhở, đôn đốc các thành viên hoàn thành báo cáo, tuân thủ quy định vận hành của công ty.
Remind, urge chemical members finish report on time, comply with the Company's operating regulations

Quản lý phụ trách
Managers In Charge

Trưởng phòng Admin
Manager Admin
Ms. Van

Phó phòng PPC
Deputy Manager PPC
Ms. Loan

Trưởng phòng PD
Manager PD
Mr. Tuan

Trưởng phòng PE
Manager PE
Mr. Chinh

Phó phòng QA
Deputy Manager QA
Mr. Hiep

Trưởng phòng QC
Manager QC
Mr. Hieu

TỔ TRƯỞNG
FOREMAN
Mr. Nam

TỔ PHÓ
ASS. FOREMAN
Mr. Hieu

Nguyễn Minh Hoàng	Lê Trung Dũng
Đinh Thắng	Nguyễn Xuân Lĩnh
Phan Văn Oánh	Nguyễn Văn Cao
Quan Văn Đồng	Nguyễn Văn Tháp
Hoàng Văn Tân	Nguyễn Văn Khánh
Nguyễn Xuân Đoàn	Phạm Văn Phúc
Nguyễn Xuân Khải	Phạm Văn Thắng
Nguyễn Mạnh Cường	Uông Sỹ Hoàn

NHIỆM VỤ - RESPONSIBILITY
1 - Tham gia các khóa huấn luyện ứng phó sự cố môi trường, nhận thức môi trường./ Participate in training courses on environmental incident response, environmental awareness
2 - Thực hiện việc ứng phó các sự cố môi trường khi xãy ra / Do action for environment accident when happen

Lần sđ/bh Rev	Ngày ban hành Issued date	Ghi nhận History	Thiết lập Prepared by	Xác nhận Reviewed by	Xem xét Confirmed by	Phê duyệt Approved by
01/01		Phiên bản đầu First issued	Tên/Name: Ngày/Date:	Tên/Name: Ngày/Date:	Tên/Name: Ngày/Date:	Tên/Name: Ngày/Date:

4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị ứng phó sự cố

Bảng 4.1. Trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố môi trường

Stt	Thiết bị, phương tiện	Đặc trưng kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Nơi bố trí
A. Phương tiện ứng phó cháy					
1.	Bình chữa cháy	MFZ4	42	Tốt	Xem chi tiết trên sơ đồ bố trí thiết bị PCCC
		MT3	42	Tốt	
2.	Vòi chữa cháy		16	Tốt	
3.	Họng chữa cháy		08	Tốt	
4.	Hệ thống bơm cấp nước PCCC	Hệ thống bơm sẽ tự kích hoạt khi mực nước trong hồ giảm xuống.	01	Tốt	
5.	Thùng cát	Chứa cát sạch, khô	01	Tốt	
6.	Xẻng	Bằng kim loại	02	Tốt	
7.	Quần áo bảo hộ		10	Tốt	Tủ dụng cụ PCCC
8.	Khẩu trang		10	Tốt	
9.	Mũ	Cứng	10	Tốt	
10.	Ủng	Chống nước	10	Tốt	
11.	Găng tay		10	Tốt	
12.	Đèn pin	Led CREE R2	01	Tốt	
13.	Câu liêm		01	Tốt	
14.	Bồ cào		01	Tốt	
15.	Loa	Có còi hú, sử dụng pin	01	Tốt	
16.	Cáng cứu thương		02	Tốt	Tại xưởng
B. Dụng cụ ứng phó sự cố hóa chất					

Stt	Thiết bị, phương tiện	Đặc trưng kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Nơi bố trí
17.	Bộ bình dưỡng khí oxy và mặt nạ	Thể tích 6 lít; bình thép, trọng lượng bình rỗng 16kg; thời gian thở liên tục 60 phút thì nạp khí	05	Tốt	
18.	Bộ quần áo chống hóa chất	Bằng chất liệu chống hóa chất tiếp xúc với cơ thể khi bị văng/ bắn vào	05	Tốt	
19.	Ủng chống hóa chất		05	Tốt	
20.	Găng tay chống hóa chất		05	Tốt	
21.	Mắt kính		05	Tốt	
22.	Khẩu trang lọc độc	Khẩu trang 3M	05	Tốt	
23.	Hộp dụng cụ cứu thương	Bao gồm các dụng cụ cần thiết như bông, băng cá nhân, oxy già,….	01	Tốt	Bàn làm việc của Tổ trưởng/tổ phó của mỗi bộ phận và phòng y tế
24.	Vòi tắm và rửa mắt khẩn cấp	UK 306 Vòi sen kết hợp với bồn rửa mắt và mặt	01	Tốt	Kho axít
25.	Bộ dụng cụ ứng phó sự cố	Thấm hút chất lỏng	01	Tốt	Kho hóa chất

Bảng 4.2. Hệ thống bảo vệ, hệ thống dự phòng phục vụ cho công tác cứu hộ và ngăn ngừa sự cố

Stt	Tên hệ thống	Nơi bố trí	Đặc tính kỹ thuật	Tình trạng sử dụng
1	Hệ thống thu sét	Nhà xưởng	Thu sét đánh thẳng chuyền vào trong đất	Tốt
2	Hệ thống chữa cháy sprinkler	Nhà xưởng	Các đầu phun sprinkler tự động; được gắn vào hệ thống đường ống có chứa sẵn nước	Tốt

Stt	Tên hệ thống	Nơi bố trí	Đặc tính kỹ thuật	Tình trạng sử dụng
			và được kết nối với nguồn nước cung cấp, nhờ đó nước sẽ phun ra ngay lập tức qua các đầu prinkler đã được mở do nhiệt độ của đám cháy.	
3	Hệ thống gờ chống tràn, hố thu gom hóa chất chảy tràn tại kho chất thải	Kho chất thải	Gờ chống tràn, được phủ lớp chống thấm, hố thu gom được bố trí thấp để hóa chất tự chảy dồn về hố thu gom	Tốt

Bảng 4.3 Hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp

Stt	Tên hệ thống	Nơi bố trí	Đặc tính kỹ thuật	Tình trạng sử dụng
1	Hộp báo cháy trung tâm	Văn phòng và phòng bảo vệ	Đèn báo khu vực xảy ra sự cố màu đỏ sẽ sáng lên khi có sự cố tại khu vực đó	Tốt
2	Chuông báo cháy	Tất cả các khu vực	Phát ra âm thanh khi có sự cố cháy	Tốt
3	Đầu báo khói, beam báo	Tất cả các xưởng của nhà máy	Truyền tín hiệu về hộp báo cháy trung tâm khi trong khu vực có khói/ bụi/ sương mù	Tốt
4	Bộ đàm	Văn phòng	Sử dụng thông tin nội bộ khi có sự cố trong phạm vi	Tốt
5	Điện thoại nội bộ	Tại bàn làm việc của tổ phó mỗi bộ phận/ mỗi nhà xưởng Văn phòng Phòng bảo vệ	Điện thoại bàn có dây, hoặc di động của mỗi cá nhân	Tốt

4.4. Xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố môi trường cho lực lượng ứng phó sự cố tại chỗ

Dựa vào bảng đánh giá, xếp loại mức độ nghiêm trọng các sự cố, bảng 3.5 hằng năm xây dựng kế hoạch và diễn tập ứng phó sự cố môi trường với các tình huống "nghiêm trọng" đã liệt kê. Mục đích của việc này là để cho nhân viên vận hành biết được trách nhiệm và các bước thực hiện của mình khi không may sự cố môi trường xảy ra, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng ô nhiễm đến với môi trường.

Ngoài ra, định kỳ hằng năm Công ty đều tiến hành đào tạo nhận thức môi trường nhằm nâng cao nhận thức của người lao động trong vấn đề bảo vệ môi trường, tuân thủ đầy đủ các quy định môi trường Công ty ban hành.

4.5. Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường và huy động nguồn nhân lực, trang thiết bị để ứng phó sự cố môi trường

Khi xảy ra sự cố môi trường, công nhân viên cần thông báo ngăn đến bộ phận, cấp quản lý chịu trách nhiệm xử lý (đính kèm)

Cụ thể thông tin gấp đến bộ phận FI (Bộ phận quản lý môi trường)

Mr. Phạm Văn Thịnh

Mr. Thái Văn Thuận

Trường hợp sự cố vượt quá tầm kiểm soát nội bộ, vượt ngoài cách thức ứng phó tại bảng 3.1, cần thông tin bên ngoài để nhận được hỗ trợ

Số điện thoại liên hệ trong tình huống khẩn cấp.

Các số liên lạc của cơ quan hữu quan khi có sự cố xảy ra:

+ Sơ cấp cứu: 115

+ Báo cháy: 114

+ Cảnh sát cơ động: 113

+ Ban quản lý KCN Bình Xuyên: 0211-3596868

+ Công an huyện Bình Xuyên: 0211-3866119

+ Phòng cảnh sát PCCC thành phố Vĩnh Yên: 0211-6253462

+ Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc: 0211-3862511

+ Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Phúc: 0211-862477

+ Ban ứng phó sự cố môi trường cấp huyện, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và cứu nạn tỉnh Vĩnh Phúc

Danh sách số điện thoại của công ty lân cận trong trường hợp cần thông báo hoặc sự hỗ trợ:

+ Công ty Cổ phần Prime Ngói Việt – điện thoại 0211 3597696

+ Công ty TNHH Universal Stones – điện thoại 0211 3558088

+ Công ty Cổ phần Phú Quang – điện thoại 0211 3593406

4.6. Biện pháp tổ chức, ứng phó sự cố môi trường khi sự cố xảy ra

Khi sự cố môi trường xảy ra, cần thực hiện các bước sau

a) Xác định nguyên nhân sự cố môi trường; loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường;

b) Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật;

c) Thực hiện các biện pháp cô lập, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động; thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường;

d) Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm;

e) Thông báo, cung cấp thông tin về sự cố môi trường cho cộng đồng để phòng, tránh các tác động xấu từ sự cố môi trường như công khai thông tin trên website

4.7. Phương án khắc phục hậu quả sự cố môi trường

Sau khi hoàn tất công tác khám nghiệm hiện trường, điều tra nguyên nhân sự cố (đối với các sự cố lớn, nghiêm trọng) và công tác kiểm tra, điều tra nguyên nhân sự cố đối với sự cố nhỏ thì hiện trường được thu dọn.

Bộ phận môi trường lập báo cáo và chịu trách nhiệm khắc phục theo pháp luật

Chất thải nguy hại phát sinh thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 12 năm 2022	*Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 12 năm 2022*
NGƯỜI PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH	**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**
CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM	
Bui Minh Tâm	Thái Văn Thuận
G.M-Giám Đốc Điều Hành	G.M - Tổng Quản Lý